TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/DS-PT
Ngày 21-10-2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác trồng cây

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

*Các Thẩm phán:*Bà Phạm Thị Minh Hiền; ông Nguyễn Hải Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Thất Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc công thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2020/TLPT – DS ngày 18/12/2020, về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác trồng cây".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ- PT ngày 18/02/2021.

Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐ – PT ngày 18/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐ – PT ngày 01/7/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 137/2021/QĐ - PT ngày 02/8/2021, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 117/TB - TA ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà bà Lê Thị Vân A, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Số 5 ngách 167/15 phố TS, phường QT, Quận Đ, TP Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Chu Văn K - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội .

- *Bị đơn:* 1. Bà Lương Thị H, sinh năm 1966 (có mặt);

2. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1951 (vắng mặt); ông Vũ Văn T ủy quyền cho bà Lương Thị H đại diện.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn B 2, xã QS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Các Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Văn T:

1. Ông Thân Văn L (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Hải L (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Thân Văn K, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị Vân A, trình bày:

Bà có quen biết vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Lương Thị H (trú tại thôn B2, xã QS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang) từ năm 2011. Đầu năm 2015 vợ chồng ông T, bà H có nhờ bà tham gia hỗ trợ tài chính, hợp tác đầu tư trang trại cây ăn quả tại thôn Quý Thịnh (nay là thôn Bắc 2), xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 06/05/2015, vợ chồng ông T, bà H đã cùng bà (Lê Thị Vân Anh) và ông Thân Văn K lập văn bản ký kết, thỏa thuận về việc hợp tác đầu tư trồng cây ăn quả trên diện tích 11 ha. Nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

Thứ nhất, về công việc của từng thành viên:

- Bà (Lê Thị Vân A) chịu trách nhiệm về nguồn vốn với tổng số tiền đầu tư nhưng không vượt quá 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận thì bà sẽ góp vốn thành 03 đợt lần lượt là 700.000.000 đồng, 350.000.000 đồng và 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Ông Thân Văn K chịu trách nhiệm về kỹ thuật.

- Vợ chồng ông Vũ Văn Tích, bà Lương Thị Hà phụ trách về công việc, quản lý tài chính, ghi và lập sổ sách thu chi, tiền đầu tư.

Thứ hai, về việc phân chia lợi nhuận:

Khi trang trại có nguồn thu thì lợi nhuận được trừ đi toàn bộ chi phí và để lại một khoản tiền đầu tư cho năm sau, toàn bộ lợi nhuận còn lại chia làm 03 phần, bà một phần, ông K một phần và vợ chồng ông T, bà H một phần.

Trước khi bước vào ký kết hợp đồng thỏa thuận công việc này thì trang trại của ông T, bà H được đánh giá có giá trị theo thỏa thuận là 4.000.000.000 đồng *(Bốn tỷ đồng).*

Trong thời hạn thực hiện hợp đồng, ông T bà H không được tự ý thay đổi mục đích sử dụng như trong hợp đồng thỏa thuận đã ký kết. Nếu ông T, bà H muốn thay đổi mục đích thì phải được sự đồng ý của tất cả thành viên (bà, ông T, bà H và ông K).Toàn bộ sổ sách giấy tờ liên quan đến công việc, tiền đầu tư, tiền thu, tiền chi phải được ghi chép cụ thể, rõ ràng, công khai và được bảo quản cất giữ cận thận. Các thành viên không được lấy tiền đầu tư hay lấy tiền thu chi dùng vào những việc chi tiêu sai mục đích. Nếu muốn vay mượn tiền đầu tư hay thu chi thì phải được sự đồng ý của tất cả thành viên. Sau đó người vay phải có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ, tuyệt đối không được nợ, chịu.

Thứ ba, về thời hạn hợp đồng: Thời gian của hợp đồng tổng cộng chính thức là 12 năm, bắt đầu từ đầu năm 2015 đến hết năm 2026.

Quá trình hợp tác, bà đã thực hiện theo đúng thỏa thuận, từ năm 2015 đến năm 2016 đã chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của ông T (Số tài khoản: 101010008053830 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương Việt Nam*)* với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Cụ thể các lần chuyển tiền vào tài khoản của ông T như sau:

-Ngày 06/05/2015 chuyển 800.000.000đồng (tám trăm triệu đồng);

-Ngày 28/09/2015 chuyển 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng);

-Ngày 15/02/2016 chuyển 100.000.000đồng;

-Ngày 22/04/2016 chuyển 100.000.000đồng;

-Ngày 15/07/2016 chuyển 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng);

-Ngày 21/09/2016 chuyển 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Tất cả các lần chuyển tiền nêu trên bà đều có chứng từ ngân hàng để chứng minh việc chuyển khoản.

Sau khi nhận tiền đầu tư từ bà, vợ chồng ông T, bà H đã không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận hợp tác ban đầu mà đã có những vi phạm sau:

- Ông T, bà H đã lấy 630.000.000 đồng tiền bà đầu tư để sử dụng vào công việc cá nhân của ông T, bà H mà không được sự đồng ý của bà;

- Vợ chồng ông T bà H không ghi chép sổ sách cụ thể rõ ràng, không thông báo cho các thành viên khác về hoạt động của trang trại, mọi hoạt động của trang trại bà hoàn toàn không được biết bất cứ thông tin gì, không được nhận báo cáo tài chính, thu, chi từng năm, không cho bà tham gia vào công việc tại trang trại.

Không thực hiện việc chi trả lợi nhuận từ nguồn thu của trang trại, cố tình che giấu thông tin về kết quả kinh doanh từ việc phát triển trang trại.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Lương Thị H phải liên đới trả lại bà số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) đã nhận từ bà trong 02 năm (2015 và 2016), thông qua hình thức chuyển khoản;

- Buộc vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Lương Thị H phải liên đới bồi thường do vi phạm thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư trang trại là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng);

- Yêu cầu bà H, ông T phải chia cho bà 2.000.000.000 đồng lợi nhuận từ hoạt động của trang trại;

- Yêu cầu bà H, ông T chia tài sản của trang trại phát sinh từ số tiền 1.500.000.000 đồng do bà bỏ vốn đầu tư vào trang trại.

Bị đơn bà Lương Thị H và ông Vũ Văn T do bà Lương Thị H đại diện theo ủy quyền trình bầy tại biên bản lấy lời khai:

Vợ chồng bà cùng bà Lê Thị Vân A, ông Thân Văn K cùng nhau ký kết, thỏa thuận về việc hợp tác đầu tư trồng trang trại ăn quả trên diện tích 11 ha. Nội dung thỏa thuận cụ thể:

Thứ nhất, về công việc: Bà Lê Thị Vân A chịu trách nhiệm về nguồn vốn với tổng số tiền đầu tư nhưng không vượt quá 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Ông Thân Văn K chịu trách nhiệm về kỹ thuật; Còn vợ chồng bà phụ trách về công việc và giữ tài chính, ghi và lập sổ sách thu chi, tiền đầu tư.

Thứ hai, về việc phân chia lợi nhuận: Khi trang trại có nguồn thu thì lợi nhuận được trừ đi toàn bộ chi phí và để lại một khoản tiền đầu tư vào công việc cho năm sau, toàn bộ lợi nhuận còn lại chia làm 03 phần, vợ chồng bà một phần, ông K một phần và bà Vân A một phần.

Tất cả các thành viên không được lấy tiền đầu tư hay lấy tiền thu chi dùng vào những việc chi tiêu sai mục đích. Nếu muốn vay mượn tiền đầu tư hay thu chi thì phải được sự đồng ý của tất cả thành viên. Sau đó người vay phải có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ, tuyệt đối không được nợ, chịu.

Thứ ba, về thời hạn hợp đồng: Từ đầu năm 2015 đến hết năm 2026.

Quá trình hợp tác, các bên đã thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, bà Vân A đã chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của ông T (Số tài khoản: 101010008053830 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương Việt Nam*)* với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Sau khi bà Vân A chuyển tiền đầu tư cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà cùng ông K đã thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận hợp tác ban đầu.

Việc bà Vân A trình bày vợ chồng bà lấy tiền đầu tư của bà Vân A (630.000.000 đồng) để sử dụng vào công việc cá nhân. Bà xác nhận có sự việc vợ chồng bà dùng số tiền 630.000.000 đồng để chuộc lại căn nhà của vợ chồng bà ở địa chỉ số 151 phố K, xã PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên việc này đã được sự đồng ý của bà Vân A, đến khoảng tháng 01/2016 bà đã trả lại đầy đủ 630.000.000 đồng và sử dụng số tiền này vào việc xây dựng trang trại.

Việc ghi chép sổ sách: Vợ chồng bà luôn ghi chép sổ sách cụ thể, có báo cáo chi tiết thu, chi hàng năm cho các thành viên khác nhưng bà Vân A không đến trang trại nên không nắm được.

Việc chi trả lợi nhuận từ nguồn thu của trang trại: Sau khi đầu tư xong thì trang trại có thu hoạch (cụ thể là tiền bán cam) nhưng khoản thu này đã được chi vào tiền công lao động, phân bón, thuốc trừ sâu… nên thu không đủ chi, không có lợi nhuận để chia cho thành viên như Hợp đồng ký kết.

Bà hoàn toàn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thân Văn K trình bày:

Năm 2015, vợ chồng ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H, bà Lê Thị Vân A và ông cùng nhau lập văn bản ký kết, thỏa thuận về việc hợp tác đầu tư trang trại trồng cây ăn quả trên diện tích 11 ha đất là quyền sử dụng của vợ chồng ông T ở Thôn B 2, xã QS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Nội dung của hợp đồng về công việc, phân chia lợi nhuận, thời hạn hợp đồng như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng. Quá trình hợp tác, các bên đã thực hiện theo đúng thỏa thuận. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, bà Vân A đã chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của ông T tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Ông chịu trách nhiệm về kỹ thuật trồng, chăm sóc cây.

Nay bà Vân A khởi kiện vợ chồng ông T, bà H với lý do vợ chồng ông T bà H vi phạm Hợp đồng mà các bên đã ký kết, ông có ý kiến như sau:

Vợ chồng ông T bà H có sử dụng số tiền 630.000.000 đồng (trong tổng số tiền 800.000.000 đồng bà Vân A chuyển cho vợ chồng ông T để đầu tư xây dựng trang trại) để chuộc nhà của vợ chồng ông T bà H ở số 151, Phố K, xã PS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang ông có biết và đồng ý việc vợ chồng bà H ông T tạm vay tiền để chuộc nhà. Thực tế thì bà Vân A cũng đồng ý nên cả ba bên, gồm đại diện vợ chồng ông T bà H, ông và bà Vân A có ký vào 01 giấy viết tay do bà Vân A lập

ngày 06/5/2015 (dương lịch). Sau đó vợ chồng ông T bà H đã trả lại đủ 630.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào công việc của trang trại.

Vợ chồng ông T bà H luôn lập giấy tờ, sổ sách quản lý cụ thể rõ ràng việc sử dụng tiền bà Vân A đầu tư.

Việc trang trại đã có thu hoạch là đúng, khi trang trại thu hoạch, ông đã đề nghị vợ chồng ông T bà H gọi điện thoại thông báo và mời bà Vân A đến trang trại để chứng kiến việc thu hoạch, thu, chi của trang trại nhưng bà Vân A không đến, ông nắm được việc thu, chi của trang trại nhưng tiền thu không đủ chi nên không có lợi nhuận để chi cho các thành viên.

Bà Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng ký kết công việc ngày 6/5/2015 và buộc vợ chồng ông T, bà H phải liên đới trả lại bà Vân A số tiền 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* mà vợ chồng ông T, bà H đã nhận trong 02 năm (2015 và 2016) và buộc vợ chồng ông T, bà H phải liên đới bồi thường cho bà Vân A do vi phạm thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư trang trại là 2.000.000.000 đồng *(hai tỷ đồng)* phát sinh từ việc đầu tư, sinh lời trang trại thì ông không nhất trí. Đề nghị Tòa án hòa giải để các bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết vì hiện nay trang trại đang đi vào hoạt động ổn định.

Ngày 04/9/2020, Tòa án nhân dân huyện LN đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của bà Lê Thị Vân A. Kết quả xác định được: Trên diện tích 11 ha trang trại các đương sự đã thống nhất số lượng cây trồng như sau:

- Cây Cam: Tổng số 7.297 cây (trong đó có 6.269 cây cam Vinh, 856 cây cam xoài, 172 cây cam đường) có đường kính tán từ 2.5m đến 3m.

- Cây Bưởi: Tổng số 966 cây (trong đó có 541 cây bưởi diễn, 425 cây bưởi da xanh) đường kính gốc từ 09cm đến 12cm.

- Cây Chanh: Tổng số 366 cây, đường kính gốc từ 5cm đến 7cm.

- Cây Nhãn: Có 37 cây;

- Cây Vải thiều: Có 19 cây.

Phần định giá:

- 7.297 cây cam có đường kính gốc từ 2.5m đến 3m (có trị giá 1.800.000 đồng/cây): 7.297 cây x 1.800.000 đồng = 13.134.600.000 đồng.

- 966 cây bưởi có đường kính gốc từ 9 cm đến 12cm (có trị giá 2.315.000 đồng/cây): 966 cây x 2.315.000 đồng = 2.236.290.000 đồng.

- 366 cây chanh có đường kính gốc từ 5cm đến 7cm (có trị giá 319.000 đồng/cây): 366 cây x 319.000 đồng = 116.754.000đồng.

Số cây vải thiều, cây nhãn các đương sự không yêu cầu định giá.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 15.487.644.000 đồng *(mười lăm tỷ bốn trăm tám mươi bẩy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).*

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Vân A đề nghị:

- Chấm dứt Hợp đồng đã ký kết ngày 06/5/2015 giữa bà Lê Thị Vân A, ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H và ông Thân Văn K;

- Buộc vợ chồng ông T, bà H phải liên đới trả bà 1.500.000.000 đồng tiền đầu tư ban đầu,

- Chia cho bà 2.000.000.000 đồng doanh thu hàng năm, lợi nhận phát sinh của trang trại từ nguồn vốn đầu tư.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 117, Điều 122, Điều 504, Điều 505, Điều 507, Điều 508, Điều 509, Điều 510 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Vân A về việc tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ký kết công việc ngày 06/5/2015 giữa bà Lê Thị Vân A, với ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H và ông Thân Văn K;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A về việc buộc ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H phải trả lại bà Lê Thị Vân A số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và buộc ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H phải trả cho bà Lê Thị Vân A số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng) doanh thu hàng năm, lợi nhận phát sinh của trang trại từ nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/11/2021, ngày 15/11/2021, ngày 16/11/2021 bà Lê Thị Vân A kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Quyết định kháng nghị số 03/QĐ- KNPT – DS).

Nội dung kháng nghị: Bà Vân A cho rằng: Ông T , bà H đã không thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận hợp tác; đã tự ý lấy tiền đầu tư của bà 630.000.000 đồng để sử dụng vào công việc cá nhân của ông T, bà H; không ghi chép sổ sách cụ thể rõ ràng, không thông báo cho các cổ đông khác về hoạt động của trang trại; không thực hiện việc chi trả lợi nhuận từ nguồn thu của trang trại; tự ý phá cây trong trang trại, hủy hoại tài sản, sử dụng trang trại sai mục đích; sử dụng tiền trái mục đích.... Nên bà Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt Hợp đồng ký kết ngày 6/5/2005 giữa bà với ông T, bà H và ông K. Buộc ông T và bà H phải liên đới trả lại bà số tiền 1.500.000.000 đồng và phải bồi thường cho bà 2.000.000.000 đồng phát sinh từ việc đầu tư, sinh lời trang trại.

Mặc dù theo hợp đồng các bên đã ký kết thì thời hạn hợp đồng bắt đầu từ đầu năm 2015 đến hết năm 2026. Ông T (do bà H đại diện theo ủy quyền), bà H, ông K đều cho rằng các ông bà không vi phạm hợp đồng, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vân A, đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nhưng trước khi khởi kiện ra Tòa án, bà Vân A đã nhiều lần thông báo, yêu cầu ông T, bà H chuyển trả lại cho bà số tiền bà đã góp, nhưng ông T, bà H không trả. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Vân A đây là vụ án "Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hợp tác". Theo quy định tại Điều 428, Điều 510, Điều 512 Bộ luật dân sự thì bà Vân A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà không cần phải có sự đồng ý của ông T, bà H, ông K.

Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A, buộc bà Lê Thị Vân A phải chịu 102.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là không có căn cứ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà Lê Thị Vân A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Vân A không thay đổi, bổ sung, yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Vân A không đồng ý với bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện vì các lý do sau: Quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác ký kết ngày 6/5/2015 vợ chồng bà Lương Thị H, ông Vũ Văn T có nhiều vi phạm cụ thể là: Đã tự ý sử dụng 650.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.500.000.000 đồng bà Vân A đầu tư để chuộc căn nhà của vợ chồng bà H, ông T tại phố Kim, đến nay chưa rõ bà H, ông

T đã hoàn trả số tiền đó vào vốn đầu tư của trang trại hay chưa.

Quá trình sử dụng 1.500.000.000 đồng bà Lê Thị Vân A đầu tư bà H tự ghi chép nhưng sổ sách ghi chép không rõ ràng, không cho bà Vân A được tham gia vào hoạt động của trang trại, không công khai chi tiêu hàng năm.

Việc bà H sử dụng số tiền mà bà Vân A đã đầu tư không hợp lý, không đúng mục đích như: Mua đồ dùng sinh hoạt, mua rượu, mua quà, chi tiêu ăn uống mà không được sự đồng ý của bà Vân A.

Vợ chồng bà H, ông T thế chấp quyền sử dụng đất trang trại để vay vốn Ngân hàng, tự ý chuyển nhượng toàn bộ diện tích trang trại cho bà Phạm Thị M và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng chuyển nhượng trang trại có dấu hiệu của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A, tuyên chấm dứt Hợp đồng hợp tác bà Lê Thị Vân A với ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H, ông Thân Văn K ký kết ngày 6/5/2015; buộc vợ chồng bà H, ông T trả cho bà Lê Thị Vân A 1.500.000.000 đồng vốn đầu tư; tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H, ông T đã chuyển nhượng trang trại cho bà Phạm Thị M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện LN đã cấp cho bà Phạm Thị Mdiện tích trang trại nhận chuyển nhượng của bà H, ông T.

Bà Lê Thị Vân A trình bày: Đồng ý với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và bổ sung ý kiến: Yêu cầu làm rõ việc UBND xã Quý Sơn, huyện LN và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện LN để làm rõ việc chuyển nghượng trang trại của bà Lương Thị H, ông Vũ Văn T cho bà Phạm Thị Mkhi đang có tranh chấp. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc bà H, ông T hoàn trả lại cho bà 1.500.000.000 đồng tiền vốn đầu tư. Yêu cầu ông T, bà H phải trả lợi nhuận phát sinh của trang trại với số tiền là 2.000.000.000 đồng; yêu cầu chia tài sản của trang trại phát sinh từ nguồn vốn 1.500.000.000 đồng mà bà đã đầu tư, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở dụng đất giữa bà H, ông T với bà Phạm Thị M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng hợp tác có thời hạn đến năm 2026, số tiền 1.500.000.000 đồng bà Vân A đầu tư đã được bà H sử dụng đầu tư cho trang trại có sổ sách ghi chép đầy đủ các bên đang thực hiện hợp đồng và bắt đầu có thu nhập tuy nhiên việc kinh doanh trang trại thua lỗ nên chưa có lợi nhuận. Việc bà H chặt bỏ một số cây ăn quả của trang trại là do

cây tự chết nên buộc phải chặt phá do làm ăn thua lỗ nên bà H, ông T buộc phải chuyển nhượng trang trại cho bà Phạm Thị M, bà Vân A yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trang trại giữa bà H, ông T với bà M phía bị đơn không đồng ý vì nội dung này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết. Trường hợp bà Vân A có yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì giải quyết bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Bà Lương Thị H trình bày: Số tiền bà Vân A đầu tư bà đã sử dụng để đầu tư trồng khoảng 10.000 cây cam. Bà xác định tài sản chung của các thành viên tham gia hợp đồng hợp tác là số cây trồng trên diện tích đất trang trại, riêng quyền sử dụng đất là tài sản của vợ chồng bà, vì làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà phải bán trang trại để trả nợ Ngân hàng. Các nội dung khác bà đồng ý với nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm tại quyết định kháng nghị số 03/QĐ- KNPT – DS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bà Lê Thị Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thân Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm sau:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý không hết các yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2020 và đơn khởi kiện ngày 27/02/2020, bà Lê Thị Vân A khởi kiện yêu cầu giải quyết 04 nội dung sau:

- Buộc ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H trả lại bà 1.500.000.000 đồng đã đầu tư vào trang trại;

- Yêu cầu ông T, bà H phải trả cho bà lợi nhuận phát sinh của trang trại;

- Yêu cầu ông T, bà H chia tài sản của trang trại phát sinh từ nguồn vốn 1.500.000.000 đồng bà đầu tư;

- Yêu cầu ông T, bà H bồi thường thiệt hại 2.000.000.000 đồng do đã vi phạm thỏa thuận hợp tác, kinh doanh.

Với nội dung bà Vân A khởi kiện như trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu bà Vân A nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 51.000.000 đồng theo điểm đ tiểu mục 1.3, mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) mức án phí từ trên 2000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 1.500.000.000 đồng (phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng) x 2% = 30.000.000 (72.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 102.000.000 đồng/2= 51.000.000 đồng).

Các yêu cầu khác của bà Vân A: Yêu cầu trả lợi nhuận phát sinh của trang trại; yêu cầu chia tài sản của trang trại phát sinh từ nguồn vốn đầu tư Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà Vân A nộp tạm ứng án phí, không thụ lý giải quyết.

Trong các văn bản thông báo thụ lý vụ án gửi các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện LN và các đương sự (bút lục 92,93,94,95) Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ thông báo thụ lý những vấn đề bà Vân A khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả 1.500.000.000 đồng mà không thông báo thụ lý các nội dung khác bà Vân A đã khởi kiện.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, vi phạm Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại đơn khởi bà Lê Thị Vân A khởi kiện 04 nội dung như đã nêu ở mục [2.1], tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 04/8/2020 (bút lục số 159), bà Lê Thị Vân A giữ nguyên các yêu cầu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Vân A bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác các bên đã ký kết (bút lục số 356).

Bản án sơ thẩm đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Vân A về việc tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ký kết công việc ngày 06/5/2015 giữa bà Lê Thị Vân A, với ông Vũ Văn T, bà Lương Thị H và ông Thân Văn K là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân A yêu cầu ông T, bà H trả 2.000.000.000 đồng lợi nhuận từ kinh doanh trang trại.

Các nội dung khác của bà Vân A khởi kiện: Yêu cầu chia tài sản của trang trại phát sinh từ nguồn vốn bà đầu tư 1.500.000.000 đồng; yêu cầu ông T, bà H bồi thường thiệt hại 2.000.000.000 đồng không được xem xét giải quyết là không giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà ở cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS - ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Đối với kháng cáo của bà Lê Thị Vân A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bà Vân A.

[4] Đối với ý kiến của bà Vân A yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà H chuyển nhượng trang trại cho bà Phạm Thị M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Mđược cấp đối với diện tích đất trang trại. Hội đồng xét xử thấy: Đây là tình tiết mới phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án nên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự nội dung này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Vân A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS- ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại bà Lê Thị Vân A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp ghi tại biên lai số AA/2019/0001694 ngày 16/11/2020.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thạo